

Phụ lục
(Kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP
ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị đăng ký phân bón được phép lưu hành tại Việt Nam
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả khảo nghiệm phân bón
Mẫu số 03	Quyết định công nhận phân bón được phép lưu hành tại Việt Nam
Mẫu số 04	Qui phạm khảo nghiệm phân bón
Mẫu số 05	Đơn đăng ký khảo nghiệm phân bón
Mẫu số 06	Tài liệu kỹ thuật đối với phân bón đăng ký khảo nghiệm
Mẫu số 07	Đề cương khảo nghiệm phân bón
Mẫu số 08	Điều kiện cần thiết về trang thiết bị đối với tổ chức khảo nghiệm phân bón
Mẫu số 09	Đơn đề nghị công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm phân bón
Mẫu số 10	Danh sách cán bộ tham gia khảo nghiệm của tổ chức thực hiện khảo nghiệm phân bón
Mẫu số 11	Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm phân bón
Mẫu số 12	Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm phân bón
Mẫu số 13	Báo cáo kết quả hoạt động của tổ chức khảo nghiệm phân bón
Mẫu số 14	Dây chuyền, máy thiết bị sản xuất phân bón
Mẫu số 15	Đơn đề nghị cấp/ cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, đóng gói, buôn bán phân bón
Mẫu số 16	Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón
Mẫu số 17	Bản thuyết minh về điều kiện đóng gói phân bón
Mẫu số 18	Bản thuyết minh về điều kiện buôn bán phân bón
Mẫu số 19	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/ đóng gói phân bón
Mẫu số 20	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
Mẫu số 21	Biên bản kiểm tra điều kiện sản xuất phân bón hoặc đóng gói hoặc buôn bán phân bón
Mẫu số 22	Giấy đăng ký chỉ định hoạt động thử nghiệm/ kiểm nghiệm/ giám định/ chứng nhận
Mẫu số 23	Danh sách cán bộ, nhân viên/ chuyên gia đánh giá thử nghiệm viên/ giám định viên/ kiểm định viên của tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chỉ định thử nghiệm/ kiểm nghiệm/ giám định/ chứng nhận
Mẫu số 24	Danh mục tài liệu phục vụ thử nghiệm/ kiểm nghiệm/ giám định/ chứng nhận
Mẫu số 25	Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp
Mẫu số 26	Đơn đăng ký nhập khẩu phân bón
Mẫu số 27	Tờ khai kỹ thuật

Mẫu số 28	Giấy phép nhập khẩu phân bón
Mẫu số 29	Chỉ tiêu kỹ thuật, phương pháp thử phân bón
Mẫu số 30	Hướng dẫn cách ghi nhãn phân bón
Mẫu số 31	Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phân bón
Mẫu số 32	Văn bản xác nhận nội dung quảng cáo
Mẫu số 33	Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm phân bón
Mẫu số 34	Giấy chứng nhận lấy mẫu phân bón
Mẫu số 35	Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón
Mẫu số 36	Báo cáo tình hình sản xuất, đóng gói phân bón

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số:..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHÂN BÓN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:.....

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam:

Mã số doanh nghiệp/ Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Tel:.....Fax:.....Email:

ĐỀ NGHỊ

☐ Đăng ký lần đầu

Trường hợp đăng ký lần đầu

- ☐ Phân bón mới được nghiên cứu và tạo ra trong nước;
- ☐ Phân bón mới được nhập khẩu lần đầu tiên vào Việt Nam;
- ☐ Thay đổi thành phần, hàm lượng dinh dưỡng phân bón;
- ☐ Đặt tên thương phẩm mới.

☐ Đăng ký lại

Trường hợp đăng ký lại

- ☐ Sản phẩm phân bón hết thời gian lưu hành
- ☐ Thay đổi thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký
- ☐ Chuyển nhượng tên thương phẩm
- ☐ Thay đổi tên thương phẩm

Nội dung đăng ký lại (nếu có).....

Tên thương phẩm

Dạng thành phẩm.....

Thành phần và hàm lượng dinh dưỡng.....

.....
Tên nhà sản xuất thành phẩm

.....
Địa chỉ nơi sản xuất.....

.....
Tài liệu kèm theo.....

1.....

2.....

3.....

Tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu cũng như mẫu vật kèm theo là đúng
sự thật

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

Tại/at, ngày/on date

Ký tên, đóng dấu/ Signature and seal

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên thương phẩm:
2. Hàm lượng dinh dưỡng.....
3. Cây trồng
4. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:
5. Tên tổ chức thực hiện khảo nghiệm:

II. CĂN CỨ VÀ YÊU CẦU CỦA KHẢO NGHIỆM

1. Căn cứ tiến hành khảo nghiệm:
2. Yêu cầu, mục đích của khảo nghiệm:

III. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM

1. Địa điểm thực hiện khảo nghiệm:.....
2. Thời gian thực hiện khảo nghiệm:.....
3. Cây trồng:
 - 3.1 Giống:
 - 3.2 Giai đoạn sinh trưởng của cây:
4. Các điều kiện về đất đai và chế độ canh tác:
 - 4.1 Điều kiện về đất:
 - Tên loại đất:
 - Tính chất loại đất:
 - 4.2 Chế độ canh tác:
 - Phân bón vụ trước:
 - Cây trồng vụ trước:.....
 - Các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng:
5. Điều kiện về thời tiết:

6. Nhận xét tình hình phát sinh, phát triển, sâu bệnh, khả năng chống chịu của cây trồng trong thời gian khảo nghiệm:.....

IV. PHƯƠNG PHÁP KHẢO NGHIỆM

1. Các công thức khảo nghiệm:

- Công thức khảo nghiệm.....
- Công thức so sánh
- Công thức đối chứng

2. Quy mô và phương pháp bố trí:

- Quy mô:
- Diện tích ô khảo nghiệm.....
- Số lần nhắc lại (đối với khảo nghiệm diện hẹp)
- Phương pháp bố trí

3. Phương pháp xử lý:

- Lượng phân:
- Số lần xử lý:
- Thời điểm xử lý:
- Ngày xử lý:
- Phương pháp xử lý:
- Dụng cụ xử lý:
- Sử dụng phân bón khác trong quá trình khảo nghiệm (nếu có)

4. Chỉ tiêu và phương pháp điều tra:

- Chỉ tiêu điều tra:
- Phương pháp điều tra (cụ thể cho từng chỉ tiêu)
- Thời điểm điều tra (cụ thể cho từng chỉ tiêu)

5. Phương pháp xử lý số liệu

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM

1. Kết quả khảo nghiệm diện hẹp

1.1 Năng suất thực thu:

1.2 Bội thu năng suất so với công thức đối chứng

1.3 Nhận xét về chất lượng nông sản, chỉ tiêu chất lượng được phân tích (nếu có) .

1.4 Hiệu suất sử dụng phân bón:.....

1.5 Đánh giá khả năng tăng độ ẩm đất đối với phân bón bổ sung chất giữ ẩm; lượng phân bón sử dụng tiết kiệm đối với phân bón có bổ sung chất tăng hiệu suất sử dụng; đánh giá khả năng tăng miễn dịch của cây trồng đối với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận hoặc với sâu bệnh hại đối với phân bón bổ sung chất tăng miễn dịch cây trồng.

1.6 Các bảng số liệu phù hợp với các chỉ tiêu theo dõi:

2. Kết quả khảo nghiệm diện rộng:

2.1 Năng suất thực thu:

2.2 Bội thu năng suất so với công thức đối chứng

2.3 Nhận xét về chất lượng nông sản, chỉ tiêu chất lượng được phân tích (nếu có) .

2.4 Hiệu quả kinh tế của sử dụng phân bón khảo nghiệm:

2.5 Đánh giá khả năng tăng độ ẩm đất đối với phân bón bổ sung chất giữ ẩm; lượng phân bón sử dụng tiết kiệm đối với phân bón có bổ sung chất tăng hiệu suất sử dụng; đánh giá khả năng tăng miễn dịch của cây trồng đối với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận hoặc với sâu bệnh hại đối với phân bón bổ sung chất tăng miễn dịch cây trồng.

2.6 Các bảng số liệu phù hợp với các chỉ tiêu theo dõi:

VI. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ, HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHÂN BÓN

1. Kết luận, kiến nghị:.....

2. Hướng dẫn sử dụng phân bón:

....., ngày..... tháng.....năm.....

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

NGƯỜI THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
V/v công nhận phân bón
được phép lưu hành tại Việt Nam

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận phân bón được phép lưu hành tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Căn cứ Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón;

Xét đề nghị của(1),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận sản phẩm phân bón sau được lưu hành tại Việt Nam:

Tên đơn vị đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số Doanh nghiệp:

TT.	Loại phân bón	Tên thương phẩm	Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng	Hướng dẫn sử dụng	Thời hạn sử dụng

Thời hạn lưu hành của sản phẩm là 05 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng(1), (tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm phân bón) và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Lưu: VT, (1).

Chức danh, tên người ký quyết định

(Ký tên và đóng dấu)

QUI PHẠM KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

I. Giải thích từ ngữ

Trong quy phạm này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cây hàng năm là loại cây được gieo trồng, cho thu hoạch và kết thúc chu kỳ sản xuất trong thời gian không quá 01 năm, bao gồm cả cây lưu gốc trồng một lần cho thu hoạch trong một vài năm.

2. Cây lâu năm là loại cây trồng một lần nhưng cho thu hoạch trong nhiều năm và phải trải qua thời kỳ xây dựng cơ bản mới cho thu hoạch gồm nhóm cây công nghiệp (ví dụ: cao su, chè, cà phê, điều...), nhóm cây ăn quả (ví dụ: cam, quýt, vải, nhãn...).

II. Nội dung và Phương pháp khảo nghiệm

1. Công thức khảo nghiệm:

Việc xác định số công thức khảo nghiệm dựa trên một trong các yếu tố sau: liều lượng bón, số lần bón, thời kỳ bón, kỹ thuật bón hoặc kết hợp các yếu tố này.

Trong một thí nghiệm, một loại phân bón bố trí ít nhất có 02 công thức khảo nghiệm; tổng số loại phân bón khác nhau cho một lần khảo nghiệm không được lớn hơn 04, bao gồm cả đối chứng.

Việc xác định số công thức và thiết kế khảo nghiệm chuyên biệt đối với phân bón cải tạo đất, phân bón có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng, chất giữ ẩm, chất tăng hiệu suất sử dụng phân bón, chất tăng khả năng miễn dịch cây trồng phải được nêu rõ trong đề cương khảo nghiệm.

2. Công thức đối chứng:

2.1. Đối với phân bón rễ:

Loại phân bón được sử dụng làm đối chứng phải cùng loại với phân bón khảo nghiệm và phải có trong danh mục phân bón được phép lưu hành tại Việt Nam. Trường hợp không có phân bón cùng loại để làm đối chứng thì sử dụng loại phân bón đang dùng phổ biến tại địa phương nơi khảo nghiệm và phải có trong danh mục phân bón được phép lưu hành tại Việt Nam để làm đối chứng.

Các yếu tố như: Số lần bón, thời kỳ bón, liều lượng bón, kỹ thuật bón và các yếu tố khác sử dụng làm đối chứng là yếu tố đang được áp dụng phổ biến tại địa phương nơi khảo nghiệm.

2.2. Đối với phân bón lá:

Sử dụng công thức phân bón lá phổ biến tại địa phương với lượng nước phun, số lần phun, thời kỳ phun tương đương với công thức phân bón khảo nghiệm.

3. Cây trồng, đất, thời gian khảo nghiệm

3.1. Cây trồng khảo nghiệm:

Phân bón khuyến cáo sử dụng cho loại cây trồng nào thì thực hiện khảo nghiệm trên loại cây trồng đó.

Đối với phân bón dùng khuyến cáo dùng cho nhiều loại cây trồng:

Bố trí khảo nghiệm trên cây lúa và ít nhất một cây trồng đại diện cho mỗi nhóm: cây màu, cây rau, cây hoa, cây cỏ làm thức ăn xanh cho gia súc, cây công nghiệp, cây ăn quả, nếu phân bón khảo nghiệm được khuyến cáo sử dụng trên cây trồng, nhóm cây trồng đó.

3.2. Đất khảo nghiệm:

Khảo nghiệm diện hẹp và khảo nghiệm diện rộng cho mỗi loại cây trồng được tiến hành ít nhất trên 02 nhóm đất khác nhau. Nếu phân bón chuyên dùng cho một nhóm đất thì khảo nghiệm diện hẹp, diện rộng được tiến hành ở 02 địa điểm khác nhau trên cùng một nhóm đất.

3.3. Thời gian khảo nghiệm:

3.3.1. Đối với cây hàng năm:

Đối với loại phân bón khảo nghiệm cả diện hẹp và diện rộng: Khảo nghiệm diện hẹp được thực hiện ít nhất trên 02 vụ và khảo nghiệm diện rộng thực hiện ít nhất trên 01 vụ đối với một loại cây trồng.

Đối với loại phân bón chỉ khảo nghiệm diện rộng: Thực hiện khảo nghiệm ít nhất trên 02 vụ đối với một loại cây trồng.

Đối với cây lưu gốc cho thu hoạch một lần/ năm (ví dụ cây mía) thời gian khảo nghiệm được thực hiện ít nhất 01 năm.

3.3.2. Đối với cây lâu năm:

Đối với loại phân bón khảo nghiệm cả diện hẹp và diện rộng: Khảo nghiệm diện hẹp và diện rộng được thực hiện ít nhất 01 chu kỳ thu hoạch đối với chu kỳ thu hoạch 01 lần/năm; ít nhất 02 chu kỳ thu hoạch đối với chu kỳ thu hoạch 02 lần/năm; đối với cây trồng cho thu hoạch nhiều lần/ năm thời gian thực hiện khảo nghiệm tối thiểu 05 lần thu hoạch (ví dụ: cây chè).

Trường hợp loại phân bón chỉ cần khảo nghiệm diện rộng thì thời gian thực hiện khảo nghiệm áp dụng theo quy định tại mục 3.3.2 của quy phạm này.

Trường hợp thực hiện khảo nghiệm phân bón cho cả giai đoạn kiến thiết cơ bản và giai đoạn kinh doanh thì khảo nghiệm diện hẹp và diện rộng phải thực hiện ít nhất tại 02 địa điểm khác nhau, mỗi địa điểm cho một giai đoạn.

3.3.3. Đối với phân bón lá tùy theo khuyến cáo thời kỳ bón để xác định thời gian khảo nghiệm cho thích hợp.

4. Diện tích ô khảo nghiệm

4.1. Khảo nghiệm diện hẹp:

4.1.1. Đối với cây hàng năm: diện tích ô tối thiểu là 20 m². Khảo nghiệm phân bón rễ cho lúa và cây trồng nước phải đắp bờ hoặc sử dụng tấm ngăn giữa các công thức khảo nghiệm, tránh nước tràn từ công thức này sang công thức khác.

4.1.2. Đối với cây lâu năm: diện tích ô tối thiểu là 100 m² hoặc diện tích quy đổi tương đương với diện tích cho tối thiểu 10 cây/ô đối với các loại cây có mật độ trồng dưới 1.000 cây/ha hoặc cho tối thiểu 50 cây/ô đối với các loại cây có mật độ trồng trên 1.000 cây/ha (như chè, cà phê...).

4.2. Khảo nghiệm diện rộng:

Trên mỗi thửa ruộng được chia thành các ô/ băng; số ô/ băng bằng số công thức khảo nghiệm; không cần nhắc lại. Các ô khảo nghiệm có thể đặt trên một thửa ruộng nếu diện tích đủ lớn hoặc trên nhiều thửa ruộng nhưng cùng địa điểm, cùng loại đất, cùng giống cây trồng khảo nghiệm

4.2.1. Đối với cây hàng năm:

Diện tích ô tối thiểu là 1.000 m², riêng cây hoa và rau tối thiểu là 200 m²; Tổng diện tích khảo nghiệm không được vượt quá 30 ha/01 loại cây trồng/01 loại phân bón.

4.2.2. Đối với cây lâu năm:

Diện tích ô khảo nghiệm diện rộng tối thiểu là 1.000 m² đối với các loại cây có mật độ trồng dưới 1.000 cây/ha hoặc tối thiểu là 3.000 m² đối với các loại cây có mật độ trồng trên 1.000 cây/ha. Tổng diện tích tối đa không quá 50 ha/01 loại cây trồng/01 loại phân bón.

5. Các biện pháp kỹ thuật

Các biện pháp kỹ thuật như mật độ gieo trồng, tưới nước, bảo vệ thực vật và các biện pháp kỹ thuật khác áp dụng theo quy trình phổ biến tại địa phương nơi khảo nghiệm và thống nhất cho các công thức khảo nghiệm.

6. Chỉ tiêu theo dõi

6.1. Tình hình sinh trưởng, phát triển của cây trồng khảo nghiệm, mức độ nhiễm sâu bệnh, khả năng chống chịu điều kiện ngoại cảnh bất lợi của cây trồng.

6.2. Năng suất thực thu.

6.3. Chất lượng sản phẩm: nhận xét, đánh giá cảm quan về chất lượng sản phẩm; đối với loại phân bón có tác dụng chính là làm tăng chất lượng sản phẩm thì phân tích một số chỉ tiêu chất lượng chủ yếu để so sánh.

6.4. Khả năng bồi thu năng suất, hiệu suất sử dụng phân bón (áp dụng cho khảo nghiệm diện hẹp); bồi thu năng suất, hiệu quả kinh tế (áp dụng cho khảo nghiệm diện rộng).

6.5. Khả năng tăng độ ẩm đất đối với phân bón bổ sung chất giữ ẩm; lượng phân bón sử dụng tiết kiệm đối với phân bón có bổ sung chất tăng hiệu suất sử dụng.

7. Phương pháp theo dõi

7.1. Năng suất:

Đối với cây hàng năm:

Đối với khảo nghiệm diện hẹp, thu hoạch toàn ô; Đối với khảo nghiệm diện rộng thu hoạch theo phương pháp thống kê đường chéo 05 điểm trên ô ứng

với mỗi công thức khảo nghiệm; diện tích mỗi điểm tối thiểu là 10 m²/điểm, riêng cho rau và hoa là 5 m²/điểm.

Đối với cây lâu năm:

Đối với khảo nghiệm diện hẹp, thu hoạch ít nhất trên 03 cây/ô đối với cây có mật độ dưới 1.000 cây/ha và ít nhất 05 cây/ô đối với cây có mật độ trồng trên 1.000 cây/ha. Đối với khảo nghiệm diện rộng thu hoạch theo phương pháp thống kê đường chéo 05 điểm trên ô ứng với mỗi công thức khảo nghiệm; ít nhất trên 03 cây/điểm đối với cây có mật độ dưới 1.000 cây/ha và ít nhất 05 cây/điểm đối với cây có mật độ trồng trên 1.000 cây/ha.

7.2. Chỉ tiêu về chất lượng:

Đánh giá cảm quan về chất lượng sản phẩm; đối với loại phân bón có tác dụng làm tăng chất lượng thì phân tích các chỉ tiêu chất lượng chính để so sánh.

Các chỉ tiêu quy định tại mục 6.1 thực hiện theo phương pháp quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với từng cây trồng hoặc tiêu chuẩn cơ sở, nếu chưa quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

6.2.3. Tính toán bội thu, hiệu suất sử dụng và hiệu quả kinh tế:

- Bội thu năng suất (tạ/ha) = Năng suất công thức phân bón khảo nghiệm - Năng suất công thức đối chứng;

- Hiệu suất sử dụng phân bón = Bội thu năng suất/số kg (lít) phân bón khảo nghiệm đã sử dụng;

- Hiệu quả kinh tế: Lợi nhuận (1.000 đồng) = (Năng suất thực thu x giá nông sản tại thời điểm kết thúc khảo nghiệm) - Tổng chi phí.

7. Căn cứ đánh giá phân bón khảo nghiệm

Loại phân bón khảo nghiệm được công nhận khi đạt được yêu cầu sau:

Có hiệu lực làm tăng năng suất hoặc tăng hiệu quả kinh tế ít nhất (5%) so với đối chứng.

Có tác dụng tiết kiệm lượng phân bón sử dụng ít nhất là (10%) đối với phân bón có bổ sung chất tăng hiệu suất sử dụng.

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về khả năng tăng miễn dịch hoặc tăng khả năng giữ ẩm cho đất ở mức 5 % so với đối chứng đối với các loại phân bón có bổ sung chất tăng miễn dịch cây trồng hoặc chất giữ ẩm.

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Tên và loại phân bón đăng ký khảo nghiệm:

3. Thành phần, hàm lượng chất dinh dưỡng:

3. Nguồn gốc xuất xứ:

4. Hình thức khảo nghiệm:

Khảo nghiệm diện hẹp: ☐

Khảo nghiệm diện rộng: ☐

5. Khảo nghiệm với các cây trồng:

6. Khảo nghiệm trên các loại đất:

7. Dự kiến địa điểm khảo nghiệm (tỉnh, thành phố):

8. Dự kiến thời gian khảo nghiệm: từ ngày / /200 đến ngày / /200

7. Đề xuất đơn vị chủ trì khảo nghiệm:

8. Các tài liệu nộp kèm theo:

☐ Tài liệu kỹ thuật phân bón đăng ký khảo nghiệm;

☐ Đề cương khảo nghiệm;

Tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký tên, đóng dấu)

TÀI LIỆU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI PHÂN BÓN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM

I. Những thông tin chung về phân bón:

1. Tên phân bón:

Tên thương mại:

Tên khác (nếu có):

2. Nguồn gốc:

Sản xuất trong nước ☐ Nhập khẩu ☐

3. Loại phân bón

Phân bón lá ☐ Phân bón rễ ☐ Hữu cơ ☐ Hữu cơ khoáng ☐

Hữu cơ vi sinh ☐ Hữu cơ sinh học ☐ Phân vi sinh ☐

Vô cơ tự nhiên ☐ Vô cơ hoá học ☐ Có bổ sung chất ĐHST ☐

Loại khác (ghi rõ loại gì):

4. Dạng phân bón:

Dạng lỏng ☐ Dạng viên ☐ Dạng bột ☐

Dạng hạt ☐ Dạng khác (ghi rõ):

5. Màu sắc phân bón:

6. Bao bì: Ghi rõ loại bao bì, khối lượng hoặc dung tích:

7. Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký

Tên phân bón	Đơn vị tính	Hàm lượng các chất dinh dưỡng chủ yếu		Phương pháp phân tích
		Trên bao bì	Kết quả phân tích	

8. Hàm lượng các độc tố trong phân bón:

Các yếu tố	Đơn vị	Hàm lượng	PP phân tích	Các yếu tố	Đơn vị	Hàm lượng	PP phân tích
Thủy ngân (Hg)	ppm			E. Coli	CFU/gam (ml)		
Chì (Pb)	ppm			Salmonella	CFU/gam		

					(ml)		
Asen (As)	ppm			Coliform	CFU/gam (ml)		
Cadimi (Cd)	ppm			Trùng giun đũa	CFU/gam (ml)		
Crom (Cr)	ppm						
Niken (Ni)	ppm						

9. Hướng dẫn sử dụng (ghi tóm tắt):

- Liều lượng sử dụng (ghi rõ cho từng loại cây trồng/đơn vị diện tích):
- Thời gian sử dụng:
- Phương pháp sử dụng:
- Các lưu ý khác trong quá trình sử dụng:

10. Các cảnh báo tác động xấu đến sức khỏe, môi trường (nếu có):

11. Báo cáo khảo nghiệm sơ bộ (nếu có): Thời gian, địa điểm, loại đất, loại cây trồng, tác dụng của loại phân bón đã khảo nghiệm và những hạn chế trong quá trình sử dụng.

II. Thông tin về tình hình sản xuất, nhập khẩu và sử dụng loại phân bón khảo nghiệm

1. Đối với phân bón nhập khẩu

- Tên Đơn vị (Công ty), quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất phân bón:

- Tình hình sử dụng ở Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất phân bón:

Được sử dụng rộng rãi ☐ Được sử dụng hạn chế ☐

Sử dụng trên loại cây trồng ☐ Sử dụng tại vùng đất ☐

Sử dụng vào các giai đoạn nào của cây:

2. Đối với phân sản xuất trong nước:

- Tên cơ sở (Công ty) sản xuất (kèm theo địa chỉ):

- Địa điểm sản xuất:

- Sơ đồ quy trình sản xuất (kèm theo) ☐

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tài liệu kỹ thuật này.

Tổ chức, cá nhân đăng ký khai báo

(Ký tên và đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

1. Tên, địa chỉ của cơ sở có phân bón và cơ sở khảo nghiệm;
2. Chung loại, tên phân bón, các chỉ tiêu chất lượng, yếu tố hạn chế, đặc tính chủ yếu của phân bón khảo nghiệm;
3. Nguồn gốc xuất xứ phân bón: kết quả nghiên cứu, nhập khẩu, chuyển nhượng, chuyển giao...;
4. Cây trồng khảo nghiệm;
5. Loại đất khảo nghiệm (theo bảng phân loại đất Việt Nam);
6. Công thức khảo nghiệm và công thức đối chứng;
7. Địa điểm, thời gian khảo nghiệm diện hẹp, diện rộng;
8. Chỉ tiêu, phương pháp theo dõi số liệu, phương pháp xử lý số liệu;
9. Các biện pháp kỹ thuật áp dụng;
10. Đối với các loại phân bón là chất cải tạo đất, phân bón có chứa chất giữ ẩm, chất tăng hiệu suất sử dụng phân bón hoặc các trường hợp khác trong đề cương khảo nghiệm phải nêu rõ phương pháp bố trí thí nghiệm, phân bón đối chứng, chỉ tiêu và phương pháp theo dõi đặc thù và các nội dung khác có liên quan.

**ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT VỀ TRANG THIẾT BỊ
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

- 01 Phòng xử lý và lưu mẫu
- 01 Phòng phân tích (bao gồm cả phòng phân tích đa, trung vi lượng và phòng phân tích vi sinh)
- 01 Phòng xử lý số liệu (có máy vi tính)
- Tủ sấy, cân phân tích, kính hiển vi
- Bình Kjeldal, máy so màu, máy quang kế ngọn lửa, máy đo pH (pH met)
- Máy quang phổ hấp phụ nguyên tử
- Tủ ẩm, tủ ẩm CO₂, tủ lạnh, buồng nuôi cấy, máy lắc, máy đếm khuẩn lạc
- Hoá chất và các dụng cụ khác để phân tích mẫu

Ghi chú: Nếu các đơn vị không có máy móc, thiết bị cần thiết nêu trên cần phải có hợp đồng dài hạn với các đơn vị có chức năng kiểm nghiệm chất lượng phân bón đã được công nhận theo quy định.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

Kính gửi:

1. Tên tổ chức đề nghị công nhận:.....
2. Địa chỉ:
- Tel: Fax:..... E-mail:
3. Quyết định thành lập/ (nếu có), Giấy đăng ký doanh nghiệp số...../.....
- Cơ quan cấp:cấp ngàytại.....

Đề nghị Quý cơ quan

CÔNG NHẬN TỔ CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

4. Hồ sơ kèm theo:

.....

.....

Chúng tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về khảo nghiệm phân bón.

....., ngày..... tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TÊN TỔ CHỨC:

**DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA KHẢO NGHIỆM
CỦA TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

Danh sách cán bộ (bao gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên liên quan trực tiếp đến khảo nghiệm phân bón):

STT	Họ và tên	Bộ phận công tác	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm thực hiện khảo nghiệm (ghi số lượng thí nghiệm khảo nghiệm)	Loại hợp đồng lao động đã ký	Ghi chú
1							
2							
...							

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN
THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

Kính gửi:

1. Tên tổ chức đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Họ, tên, chức danh người phụ trách:

3. Cán bộ, nhân viên của tổ chức

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Bộ phận công tác	Công việc được giao hiện nay	Ghi chú

4. Trang thiết bị:

4.1. Phương tiện đo lường:

Tên phương tiện đo lường	Phạm vi đo/cấp chính xác	Chu kỳ kiểm định/hiệu chuẩn	Ngày kiểm định/hiệu chuẩn lần cuối	Cơ quan kiểm định/hiệu chuẩn	Ghi chú

4.2. Trang thiết bị khác

Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Thông số kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú

5. Cơ sở vật chất:

5.1. Diện tích đất:

5.2. Loại đất:

5.3. Địa điểm:

5.4. Cơ sở vật chất khác:

6. Lĩnh vực hoạt động:

7. Đối tượng xin đăng ký khảo nghiệm:

7.1. Loại phân bón:

7.2. Loại cây trồng:

8. Cơ sở cam kết:

- Thực hiện các quy định về công nhận đơn vị khảo nghiệm.

- Đáp ứng các yêu cầu của cơ quan đánh giá khi tiến hành đánh giá công nhận đơn vị khảo nghiệm.

Ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ trách cơ sở
(Ký và ghi rõ họ, tên)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngàytháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm phân bón

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của(tên cơ quan ra quyết định)

Căn cứ Nghị định số .../2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về quản lý phân bón;

Theo đề nghị của(tên đơn vị thuộc cơ quan đầu mối được giao nhiệm vụ thẩm xét hồ sơ đăng ký khảo nghiệm phân bón),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận(tên tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm) thuộc(tên đơn vị chủ quản, nếu có), địa chỉlà tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm phân bón.

Điều 2. (tên tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm) ...được thực hiện khảo nghiệm phân bón để đăng ký vào Danh mục.

(tên tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm)... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về khảo nghiệm phân bón tại Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chức nêu tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tên cơ quan chủ quản (để b/c);
- Tên tổ chức liên quan (để biết);
- Lưu VT, KHCN.

Chức danh, tên người ký quyết định

(Ký tên và đóng dấu)

**TÊN TỔ CHỨC
KHẢO NGHIỆM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-

....., ngày.....tháng..... năm.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**
(Số liệu năm 20 tính từ ngày đến ngày)

Kính gửi:

1. Kết quả khảo nghiệm

Tổng số phân bón đã khảo nghiệm:

TT	Tên phân bón	Tên tổ chức, cá nhân có phân bón khảo nghiệm	Đối tượng khảo nghiệm	Cây trồng	Quy mô khảo nghiệm	Ghi chú
1						
...						

2. Kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tổ chức KN.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM
(Ký tên, đóng dấu)

DÂY CHUYỀN, MÁY THIẾT BỊ SẢN XUẤT PHÂN BÓN

Dây chuyền, máy thiết bị sản xuất phân bón phải được cơ giới hóa và phải bảo đảm được chất lượng loại phân bón sản xuất:

1. Đối với phân bón dạng phối trộn khô, dạng bột, dạng hạt phải có hệ thống máy có cơ cấu quay hoặc khuấy, đảo nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm, có băng tải, dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi đóng gói sản phẩm.

2. Đối với phân bón dạng lỏng phải có hệ thống thùng chứa, thùng quay hoặc hệ thống khuấy trộn bằng cơ học hoặc khí nén nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm, có hệ thống đường ống hoặc bơm hoặc dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi chuyển đến máy đóng chai, đóng gói sản phẩm.

3. Đối với phân bón được tạo hạt từ nguyên liệu rời, ép hoặc nén thành viên phải có máy tạo hạt, ép viên. Phân bón có yêu cầu về cỡ hạt phải có sàng phân loại sản phẩm; đối với phân bón có yêu cầu về độ ẩm dưới 1% phải có hệ thống sấy máy.

4. Phân bón có yêu cầu về khối lượng tịnh phải có cân hoặc thiết bị đo lường có độ chính xác theo quy định, phân bón có yêu cầu về thể tích phải có trang thiết bị kiểm soát thể tích có độ chính xác theo quy định pháp luật về đo lường.

5. Trường hợp tự sản xuất chủng men giống để sản xuất phân hữu cơ vi sinh hoặc phân vi sinh vật, các thiết bị tạo môi trường và nuôi cấy vi sinh vật gồm: Cân kỹ thuật, máy lắc, nồi hấp tiệt trùng, tủ ẩm, tủ sấy, máy lắc nhu động, lò vi sóng, tủ cấy vi sinh vật, tủ lạnh, nồi lên men hoặc thiết bị lên men đối với sản xuất phân bón vi sinh vật và phân hữu cơ vi sinh.

6. Trường hợp tự lên men để sản xuất phân bón hữu cơ sinh học, phân sinh học phải có hệ thống thiết bị lên men thủy phân theo dây chuyền từ nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, ĐÓNG GÓI, BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

Kính gửi:

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:.....ngày
..... Nơi

cấp.....

Tel: Fax: E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, đơn vị trực thuộc hoặc Giấy chứng
nhận đăng ký địa điểm buôn bán hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
số:.....ngày..... Nơi cấp.....

Tel: Fax: E-mail:

Địa điểm sản xuất, đóng gói, buôn bán phân bón:

Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón:

Đề nghị Quý cơ quan

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đóng gói phân bón

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

☐ Cấp mới

☐ Cấp lại lần thứLý do cấp

lại...

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất, đóng gói, buôn bán phân bón.

Đại diện pháp luật tổ chức, cá nhân
(Ký và ghi rõ họ tên)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN THUYẾT MINH VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN

Kính gửi:

I. Thông tin về doanh nghiệp

1. Đơn vị chủ quản

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Người đại diện pháp luật

Họ và tên:

Chức danh:

Ngày tháng năm sinh:

Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số:

Ngày cấp: .../...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Email: Fax:

4. Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất

Địa chỉ:

Điện thoại: Mobile: Fax: E-mail:

5. Loại hình hoạt động

- DN nhà nước ☐ - DN 100% vốn nước ngoài ☐
- DN liên doanh với nước ngoài ☐ - DN cổ phần ☐
- DN tư nhân ☐ - Khác: (ghi rõ loại hình) ☐

6. Mục đích sản xuất phân bón

- Bán trong nước ☐ Xuất khẩu ☐
Khác ☐ Nếu cụ thể

7. Công xuất thiết kế.....

II. Thông tin điều kiện sản xuất

1. Nhà xưởng

- Sơ đồ tổng thể (bản vẽ kèm theo) ☐
- Diện tích khu vực sản xuất (m²):
+ Khu vực sản xuất: chiều dài (m): chiều rộng (m):
+ Khu vực kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:
+ Khu vực kiểm tra chất lượng: chiều dài (m): chiều rộng (m):

* Trường hợp có nhiều khu vực, địa điểm sản xuất và kho thì liệt kê đầy đủ tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ

2. Thông kê dây chuyền, tên máy thiết bị sản xuất phân bón, gồm các thông tin: Tên máy thiết bị, công suất thiết kế, công nghệ, vị trí sử dụng, thời gian khấu hao, nguồn gốc

3. Bản vẽ thiết kế dây truyền sản xuất (bản vẽ kèm theo) ☐

4. Sơ đồ quy trình sản xuất (sơ đồ kèm theo) ☐

5. Thuyết minh quy trình sản xuất (bản thuyết minh kèm theo) ☐

6. Danh sách người quản lý, kỹ thuật, điều hành sản xuất phân bón

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Văn bằng	Ghi chú
1					
2					
3					
....					

7. Thông kê số lao động và số lượng người trực tiếp sản xuất phân bón

Tổng số lao động:

Danh sách người trực tiếp sản xuất phân bón

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5			
....			

8. Danh mục phân bón sản xuất (thống kê theo từng địa điểm sản xuất phân bón)

Loại phân bón	Công suất (ghi theo công suất môi trường được phê duyệt)	Dạng phân bón, Phương thức sử dụng (bón rẫy hay bón lá)	Thành phần, hàm lượng

9. Hệ thống xử lý chất thải

- Nước thải: ☐ Có ☐ Không
- Khí thải: ☐ Có ☐ Không
- Chất thải rắn: (bao gồm cả cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý)
10. Trang thiết bị bảo hộ lao động
11. Trang thiết bị phòng chống cháy nổ
12. Phòng thử nghiệm
- ☐ Có (tiếp tục khai báo mục 12.1)
- ☐ Không (tiếp tục khai báo mục 12.2)

12.1. Nếu có, khai tiếp các thông tin sau:

- a) Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 17025-2005 hoặc tương đương:
- ☐ Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận
- ☐ Tổ chức tự áp dụng
- b) Thiết bị thử nghiệm

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

c) Chỉ tiêu thử nghiệm:

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Ghi chú
..			

(Đánh dấu * đối với các chỉ tiêu thử nghiệm được công nhận/ chỉ định bởi các tổ chức chứng nhận/ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

d) Nhân lực

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Ghi chú

12.2. Nếu không có, khai báo tên những đơn vị phân tích cơ sở có hợp đồng kiểm tra chất lượng thành phẩm

.....

13. Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001:2008 hoặc tương đương

- ☐ Bản sao chụp kèm theo
- ☐ Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận
- ☐ Cơ sở tự áp dụng.

14. Hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001:2010 hoặc tương đương

- ☐ Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận
- ☐ Cơ sở tự áp dụng.

15. Những thông tin khác

.....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN THUYẾT MINH VỀ ĐIỀU KIỆN ĐÓNG GÓI PHÂN BÓN

Kính gửi:

I. Thông tin về doanh nghiệp

1. Đơn vị chủ quản

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Người đại diện pháp luật

Họ và tên:

Chức danh:

Ngày tháng năm sinh:

Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số:

Ngày cấp: .../ .../ Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:

Email: Fax:

4. Người trực tiếp quản lý, điều hành đóng gói

Địa chỉ:

Điện thoại: Mobile: Fax: E-mail:

5. Loại hình hoạt động

- | | | | |
|--------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| - DN nhà nước | ☐ | - DN 100% vốn nước ngoài | ☐ |
| - DN liên doanh với nước ngoài | ☐ | - DN cổ phần | ☐ |
| - DN tư nhân | ☐ | - Khác: (ghi rõ loại hình) | ☐ |

6. Mục đích đóng gói phân bón

Bán trong nước ☐

Xuất khẩu ☐

Khác ☐ Nêu cụ thể

7. Công xuất thiết kế.....

II. Thông tin điều kiện đóng gói

1. Nhà xưởng

- Sơ đồ tổng thể (bản vẽ kèm theo) ☐

- Diện tích khu vực sản xuất (m²):

+ Khu vực sản xuất: chiều dài (m): chiều rộng (m):

+ Khu vực kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

+ Khu vực kiểm tra chất lượng: chiều dài (m): chiều rộng (m):

* Trường hợp có nhiều khu vực, địa điểm sản xuất và kho thì liệt kê đầy đủ tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ

2. Thống kê dây chuyền, tên máy thiết bị đóng gói phân bón, gồm các thông tin: Tên máy thiết bị, công suất thiết kế, thời gian khấu hao, nguồn gốc

3. Bản vẽ thiết kế dây truyền đóng gói (bản vẽ kèm theo) ☐

4. Sơ đồ quy trình đóng gói (sơ đồ kèm theo) ☐

5. Danh sách người quản lý, kỹ thuật, điều hành đóng gói phân bón

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Văn bằng	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
....					

7. Thống kê số lao động và số lượng người trực tiếp đóng gói phân bón

Tổng số lao động:

Danh sách người trực tiếp sản xuất phân bón

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
....			

8. Danh mục phân bón đóng gói (thống kê theo từng địa điểm sản xuất phân bón)

Loại phân bón	Công suất (ghi theo công suất môi trường được phê duyệt)	Dạng phân bón, Phương thức sử dụng (bón rẫy hay bón lá)	Thành phần, hàm lượng

9. Hệ thống xử lý chất thải

- Nước thải: ☐ Có ☐ Không

- Khí thải: ☐ Có ☐ Không

- Chất thải rắn: (bao gồm cả cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý)

10. Trang thiết bị bảo hộ lao động

11. Trang thiết bị phòng chống cháy nổ

12. Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001:2008 hoặc tương đương

☐ Bản sao chụp kèm theo

☐ Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận

☐ Cơ sở tự áp dụng.

13. Những thông tin khác

.....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH VỀ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

3. Loại hình hoạt động

- | | | | |
|--------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| - DN nhà nước | ☐ | - DN cổ phần | ☐ |
| - DN liên doanh với nước ngoài | ☐ | - Hộ kinh doanh | ☐ |
| - DN tư nhân | ☐ | - Khác: (ghi rõ loại hình) | ☐ |
| - DN 100% vốn nước ngoài | ☐ | | |

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng:m²

- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn

- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó bao gồm các thông tin:

-Họ tên, ngày tháng năm sinh, loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).

- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa phân bón

☐ Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa phân bón: từ 5000 tấn trở lên ☐ dưới 5000 tấn ☐

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa phân bón:

Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Mobile: Fax: E-mail:

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

4. Nội quy phòng cháy chữa cháy ☐

5. Phương tiện phòng cháy chữa cháy

.....

6. Những thông tin khác

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT/ĐÓNG GÓI PHÂN BÓN

Điều kiện sử dụng Giấy chứng nhận

1. Lưu Giấy chứng nhận tại trụ sở chính và xuất trình Giấy chứng nhận khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.
2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận.
4. Không được sản xuất ngoài địa điểm sản xuất đã được quy định định.
5. Báo cáokhi có sự thay đổi điều kiện kinh doanh của đơn vị được cấp phép (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm kinh doanh, quy mô...).
6. Báo cáo khi chấm dứt hoạt động sản xuất phân bón hoặc đóng gói phân bón hoặc khi bị mất, hỏng Giấy chứng nhận.
7. Nộp lại Giấy chứng nhận chokhi không còn giá trị sử dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN CẤP GCN

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT/
ĐÓNG GÓI PHÂN BÓN**

Số: /GCN-BVTV
Ngày tháng năm 20

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN CẤP GCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN-BVTV Hà Nội, ngày tháng năm ...

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đủ điều kiện sản xuất/ đóng gói phân bón

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GCN/

Căn cứ Nghị định số .../2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Xét đề nghị cấp đổi hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện đóng gói phân bón của¹,

Theo đề nghị của²,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân)¹ sản xuất các loại phân bón quy định tại Điều 2 Quyết định này.

1. Địa chỉ trụ sở chính:

2. Số điện thoại: Fax: Email:

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất phân bón:

4. Mã số doanh nghiệp:

5. Mã số thuế:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư sốdo ... cấp ngày ... tháng ... năm ..

Điều 2. Danh mục phân bón sản xuất hoặc đóng gói

Loại phân bón	Công suất (theo công suất môi trường được phê duyệt)	Dạng phân bón, phương thức sử dụng (bón rẫy hay bón lá)	Thành phần, hàm lượng	Ghi chú
---------------	---	--	-----------------------	---------

Điều 3. (tên tổ chức, cá nhân)² ... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 20 ... của Chính phủ về quản lý phân bón.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số ngày tháng ... năm ...³

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày tháng năm/.

Nơi nhận:
- Như Điều 3⁴;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GCN

Ghi chú:

¹Ghi đầy đủ tên của doanh nghiệp.

²Tên của đơn vị thụ lý hồ sơ.

³Chỉ sử dụng đối với việc cấp lại.

⁴Chỉ gửi 01 bản cho doanh nghiệp được cấp phép.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN CẤP GCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN
Số:.....

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

hoặc

Chủ cơ sở:

Số chứng minh nhân dân số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại: Fax:

Địa điểm cửa hàng buôn bán:

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng....năm....

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm ...

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Điều kiện sản xuất phân bón hoặc đóng gói hoặc buôn bán phân bón

Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện đóng gói phân bón hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về quản lý phân bón;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị cấp phép của Công ty ..., vào hồi ... ngày ... tháng ... năm ..., tổ chức kiểm tra điều kiện thực tế tại cơ sở sản xuất phân bón hoặc cơ sở đóng gói phân bón hoặc cơ sở buôn bán phân bón của Công ty (cơ sở)

I. Thành phần

1. Cơ quan kiểm tra

- ...

- ...

2. Đại diện Công ty (cơ sở) ...

- ...

- ...

II. Nội dung kiểm tra

1. Địa điểm của Công ty (cơ sở)

- Trụ sở chính: ...

- Địa chỉ sản xuất: ...

2. Nhận xét, đánh giá

- Về chủ thể: Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....; ...

- Về địa điểm sản xuất:

- Về sản phẩm, công suất hoạt động và công nghệ, máy thiết bị:

+ Loại phân bón sản xuất hoặc đóng gói (nêu tên loại phân bón, dạng gì, phương thức sử dụng bán rải hay bón lá):

+ Dây chuyền, máy thiết bị sản xuất hoặc đóng gói (nêu công suất thiết kế, công nghệ): Phân bón dạng lỏng, dạng hạt, dạng bột được sản xuất hoặc san chiết, đóng gói trên dây chuyền máy thiết bị gồm

- Nhận xét về nhà xưởng, kho chứa sản phẩm phân bón và nguyên liệu: ...

- Đánh giá về việc trang bị các biển chỉ dẫn tại vị trí máy thiết bị dây chuyền sản xuất, biển chỉ dẫn tại khu vực xếp nguyên liệu, thành phẩm, biển cảnh báo an toàn tại vị trí có khả năng gây mất an toàn, quy trình vận hành thao tác máy, nội quy sản xuất:

- Về quản lý chất lượng (nêu rõ có lưu mẫu phân bón, có nhật ký sản xuất không; việc kiểm tra nguyên liệu đầu vào, đầu ra như thế nào; đã có Chứng chỉ ISO 9001:2015, ...)

- Về điều kiện vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ:

+ Được cơ quan có thẩm quyền theo quy định phê duyệt môi trường.

+ Được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc có Phương án chữa cháy cơ sở được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Về điều kiện nhân lực chuyên môn: nêu rõ trình độ chuyên môn của cán bộ kỹ thuật theo quy định.

3. Đề nghị đối với cơ sở sản xuất/đóng gói/buôn bán

-....

-

4. Giấy tờ tài liệu bổ sung

Sau quá trình xem xét hồ sơ tài liệu đề nghị cấp phép ... và trên cơ sở kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất hoặc đóng gói hoặc buôn bán phân bón của Công ty , đề nghị Công tybổ sung các giấy tờ, tài liệu sau:

- ...

-...

Các giấy tờ, tài liệu phải là bản sao hợp lệ theo quy định.

III. Kết luận

Đề nghị Công ty (cơ sở) ... bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu phải bổ sung) hoặc khắc phục các nội dung nêu tại điểm thứ 3 Biên bản này trước khi

.....thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/đóng gói/buôn bán. Trong thời gian chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/đóng gói/buôn bán, đề nghị Công ty ... không được hoạt động sản xuất hoặc đóng gói hoặc buôn bán.

Buổi kiểm tra kết thúc vào hồi ... cùng ngày. Nội dung của Biên bản được các thành viên tham gia kiểm tra nhất trí.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/KIỂM NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại : Fax : E-mail :
3. Quyết định thành lập (nếu có)/Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư số...
Cơ quan cấp : cấp ngày tại.
4. Hồ sơ kèm theo :
-

5. Sau khi nghiên cứu các điều kiện hoạt động đánh giá sự phù hợp quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp ; Nghị định số : /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện để được chỉ định thực hiện hoạt động:

- ☐ Thử nghiệm;
- ☐ Kiểm định ;
- ☐ Giám định;
- ☐ Chứng nhận sự phù hợp.

(nêu cụ thể tên sản phẩm, hàng hoá, quá trình, môi trường, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng).

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét để chỉ định (tên tổ chức) được hoạt động đánh giá sự phù hợp nêu trên đối với các lĩnh vực, đối tượng tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định và chịu trách nhiệm về các khai báo nói trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ...
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú:

Đăng ký lĩnh vực nào thì ghi tên lĩnh vực đó (ví dụ đăng ký chỉ định hoạt động thử nghiệm thì ghi Giấy đăng ký chỉ định hoạt động thử nghiệm).

Tên tổ chức:

**DANH SÁCH CÁN BỘ, NHÂN VIÊN/CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ THỦ
NGHIỆM VIÊN/GIÁM ĐỊNH VIÊN/KIỂM ĐỊNH VIÊN CỦA
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH
THỦ NGHIỆM/KIỂM NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN**

STT	Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo thủ nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận	Kinh nghiệm công tác	Kinh nghiệm đánh giá/ thủ nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận	Loại hợp đồng lao động đã ký	Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
.....							
.....							

“(Tên tổ chức)... cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai”.

....., ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

(Ghi chú: Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó)

Tên tổ chức:

DANH MỤC TÀI LIỆU
PHỤC VỤ THỬ NGHIỆM/KIỂM NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN

STT	Tên tài liệu	Mã số	Hiệu lực từ	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
.....					
.....					

....., ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

(Ghi chú: Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó)

(Tên cơ quan nhà nước có
thẩm quyền)
(Tên cơ quan đầu mối do cơ quan
nhà nước có thẩm quyền chỉ định)

.....(Số quyết định).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

.....(Chức danh người ký quyết định).....

.....(Tên cơ quan đầu mối do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định)

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định/Quyết định sốquy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của(tên cơ quan đầu mối do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định)

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Theo đề nghị của(tên đơn vị thuộc cơ quan đầu mối được giao nhiệm vụ thẩm xét hồ sơ đăng ký chỉ định),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định(tên tổ chức đánh giá sự phù hợp) thuộc(tên đơn vị chủ quản, nếu có), địa chỉthực hiện việc thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận (tên lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường được chỉ định) phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (tên quy chuẩn kỹ thuật, số hiệu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Điều này sẽ ghi trách nhiệm cho tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định (ví dụ: Tổ chức có trách nhiệm thực hiện công tác đánh giá sự

phù hợp phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Tổ chức nêu tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định cơ quan đầu mối (để b/c);
- Tên tổ chức liên quan (để biết);
- Lưu VT, KHCN.

**Chức danh, tên người ký
quyết định**
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence – Freedom - Happiness

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU PHÂN BÓN
REGISTRATION APPLICATION TO IMPORT FERTILIZER

Kính gửi:

To:

1. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax của Thương nhân đăng ký nhập khẩu

(Name, address, tel., Fax of Organization, individual of registration for import):

2. Tên phân bón/nguyên liệu sản xuất phân bón

(Name of fertilizer/raw materials to produce fertilizer):

3. Số lượng nhập khẩu (Total quantity of import: ton/kg/lit):

4. Nhà sản xuất và nước xuất khẩu phân bón/nguyên liệu:

(Fertilizer/raw materials imported from which country and Producer):

5. Mục đích nhập khẩu (Purposes of import):

- ☐ Để khảo nghiệm (For testing)
- ☐ Chăm sóc sân thể thao (Care for sports field)
- ☐ Cho khu vui chơi giải trí (Use for park/garden...)
- ☐ Phục vụ sản xuất (For production)
- ☐ Sử dụng trong các Dự án đầu tư (for projects)
- ☐ Quà tặng (Gift)
- ☐ Hàng mẫu (Samples)
- ☐ Hàng hội chợ, triển lãm (Sample for fairs or exhibitions)
- ☐ Phục vụ nghiên cứu khoa học (For scientific research)
- ☐ Làm nguyên liệu sản xuất phân bón (As raw materials to produce fertilizer)

6. Thời gian nhập khẩu (Time of Import):

7. Cửa khẩu nhập khẩu (Border/gate for import):

8. Các tài liệu nộp kèm theo (Materials attached):

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến phân bón nhập khẩu (We commit to fulfil all the regulations according to the law in force concerned to import fertilizer).

Khi cần liên hệ theo địa chỉ: ..., điện thoại: ..., Fax:, E-mail:....

(Please contact to address:....., telephone:....., Fax:....., E-mail:.....):

Ngày (date) tháng (month) năm (year)

Thương nhân xin đăng ký

(Ký tên, đóng dấu)

Organization/individual of registration

(Signed, Sealed)

TỜ KHAI KỸ THUẬT Technical Declaration

1. Tên phân bón, tên thương mại:

(Name of fertilizer, brand name)

Tên khác (Other name):

2. Nước sản xuất (Produced from which country):

3. Loại phân bón (Kind of fertilizers)

- | | |
|---|---|
| Vô cơ hoá học (Chemical inorganic) ☐ | Vô cơ tự nhiên (Natural inorganic) ☐ |
| Hữu cơ (Organic) ☐ | Hữu cơ khoáng (Mineral organic) ☐ |
| Sinh học (Bio-fertilizer) ☐ | Hữu cơ sinh học (Bio-organic) ☐ |
| Hữu cơ vi sinh (Micro-organic) ☐ | Phân vi sinh vật (Microorganism fertilizer) ☐ |
| Có bổ sung chất điều tiết sinh trưởng (Fertilizer with supplementation of growth regulating substance) ☐ | Có chất tăng hiệu suất sử dụng (with substance increasing efficient use of fertilizer) ☐ |
| Có chất giữ ẩm (with moisture keeping substance) ☐ | ☐ |
| Đất hiếm (rare earth fertilizer) ☐ | Chất cải tạo đất (Soil conditioner) ☐ |
| Loại khác (Others) (ghi rõ loại/specify) ☐ | ☐ |

4. Cách bón (Methods of applying):

Phân bón rễ (Root fertilizer) ☐

Phân bón lá (Foliar Fertilizer) ☐

5. Dạng phân bón (Form of fertilizer):

Dạng lỏng (Liquid) ☐ Dạng viên (Tablet) ☐ Dạng bột (Powder) ☐

Dạng hạt (Grain) ☐ Dạng khác, ghi rõ dạng gì (Others, specify):

6. Màu sắc (Color): **Mùi phân bón (Odour):**

7. Bao bì, ghi rõ loại bao bì, khối lượng hoặc dung tích

(Packing, specify type of packing, quantity or capacity):

8. Thành phần, hàm lượng các chất dinh dưỡng đăng ký trên bao bì (Components, contents of nutrition substances registered on packing)

Tên phân bón/chỉ tiêu dinh dưỡng (Name of fertilizer/nutrition criteria)	Đơn vị tính (Unit)	Hàm lượng các chất dinh dưỡng đăng ký trên bao bì, nhãn...(Contents of nutrition registered on packing)
Ví dụ (For example): Phân hữu cơ khoáng (Mineral organic)		
Hữu cơ (HC)	%	18.0
N _{ts}	%	3.0
P ₂ O _{5hh}	%	2.5
K ₂ O	%	3.0

Trường hợp chỉ tiêu các chất dinh dưỡng chưa có tiêu chuẩn Việt Nam hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp phân tích nhà nhập khẩu cần nêu rõ phương pháp phân tích đối với từng chỉ tiêu (in case, Vietnam Standards or National technical regulation on methods of analysis for nutrient indicators have not been issued yet, the importer has to declare the method for analysis, specifically).

9. Các yếu tố hạn chế có trong phân bón (limiting substances)

Các yếu tố/Substances	Đơn vị tính/Unit	Hàm lượng/Content
Asen (Arsenic-As)		
Cadimi (Cadmium-Cd)		
Chì (Lead-Pb)		
Thủy ngân (Mercury-Hg)		
Biuret trong Urê (Biuret in Urea)		
Axit tự do trong supe lân (Free Acid in supe phosphate)		
Vi khuẩn <i>Salmonella</i>		
Vi khuẩn <i>E. coli</i>		
Các yếu tố khác theo quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật (Other substances according to regulation or Vietnam standards)		

10. Hướng sử dụng (Direction using)

- Cây trồng sử dụng (Crop applied):
- Liều lượng sử dụng/đơn vị diện tích, ghi rõ cho từng loại cây trồng:
(Dosage use/unit of land, specify for each type of crops)
- Diện tích sử dụng ghi rõ cho từng loại cây trồng (Area applied, specify for each type of crops)
- Thời kỳ bón (Stage applied):
- Công dụng chính (Main use):
- Các lưu ý khác trong quá trình sử dụng (Other notes during use):

11. Các cảnh báo tác động xấu đến sức khỏe, môi trường (nếu có)

(Warnings of negative impacts on health, environment (if any))

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến phân bón nhập khẩu.

(We commit and take responsibility for the accuracy, honesty of information in this technical declaration and commit to fulfill the provisions of existing laws related to the imported fertilizers.)

Thương nhân xin đăng ký

(Ký tên, đóng dấu)

Organization/individual of registration

(Signed, Sealed)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
Số: /GPNKPB-.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU PHÂN BÓN

Căn cứ;
Căn cứ Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón số.....
ngày..... tháng.....năm.....của
..... đồng ý để
nhập khẩu phân bón với khối lượng sau đây:

Số TT	Tên phân bón	Khối lượng	Đơn vị tính	Công dụng	Xuất xứ
1					
2					
	Cộng				
Tổng cộng (viết bằng chữ)					

Mục đích nhập khẩu :
Thời gian nhập khẩu: từ ngày ký đến.....
Địa điểm nhập khẩu:.....
Ghi chú:.....

**Chức danh, họ tên người
cấp giấy(Ký tên, đóng dấu)**

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT, PHƯƠNG PHÁP THỬ PHÂN BÓN

MỤC 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong chỉ tiêu kỹ thuật, phương pháp thử phân bón này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phân bón đa lượng: Trong thành phần chính chứa một hoặc nhiều chất dinh dưỡng đa lượng.

2. Phân bón trung lượng: Trong thành phần chính chứa một hoặc nhiều chất dinh dưỡng trung lượng.

3. Phân bón vi lượng: Trong thành phần chính chứa một hoặc nhiều chất dinh dưỡng vi lượng.

4. Phân bón đơn (hay còn gọi là phân khoáng đơn): Trong thành phần chính chỉ chứa một chất dinh dưỡng đa lượng (đạm hoặc lân hoặc kali). Các loại phân bón đơn:

a) Phân đạm: Trong thành phần chính chỉ chứa một chất dinh dưỡng đa lượng là đạm. Các loại phân đạm bao gồm phân urê, nitrat amon, sulphat amoni, clorua amoni, các muối vô cơ dạng nitrat, xianamit và hợp chất chứa nitơ;

b) Phân lân: Trong thành phần chính chỉ chứa một chất dinh dưỡng đa lượng là lân. Các loại phân lân bao gồm phân lân nung chảy, supephosphat đơn, supephosphat kép, supe phosphat giàu, canxi phosphat và các hợp chất có chứa phospho;

c) Phân kali: Trong thành phần chính chỉ chứa một chất dinh dưỡng đa lượng là kali. Các loại phân kali bao gồm phân kali clorua, kali sulphat, kali clorat và các hợp chất chứa kali.

5. Phân bón phức hợp: Trong thành phần có chứa ít nhất 2 (hai) chất dinh dưỡng đa lượng hoặc ít nhất 1 (một) chất dinh dưỡng đa lượng kết hợp với ít nhất 2 (hai) chất dinh dưỡng trung lượng liên kết bằng liên kết hóa học (Phân diamoni phosphat (DAP), monoamoni phosphat (MAP), sulphat kali magie, kali nitrat, amoni polyphosphat (APP), nitro phosphat, kali dihydrophosphat...).

6. Phân bón hỗn hợp: Được sản xuất bằng cách trộn từ hai hay nhiều loại phân bón quy định tại điểm 1, 2, 3, bao gồm phân bón NPK, NP, NK, PK; phân bón NPK, NP, NK, PK bổ sung trung lượng hoặc vi lượng hoặc bổ sung trung, vi lượng.

MỤC 2. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT BẮT BUỘC TRONG PHÂN BÓN RỄ

A. ĐỐI VỚI PHÂN BÓN VÔ CƠ

I. PHÂN BÓN VÔ CƠ ĐA LƯỢNG

1. Phân bón đơn đa lượng (Phân khoáng đơn đa lượng)

1.1. Phân đạm

Loại phân bón	Chỉ tiêu	Mức quy định
Phân urê	- Hàm lượng N tổng số, % khối lượng, không nhỏ hơn	46,0
	- Hàm lượng biuret, %, không lớn hơn	1,2
Phân amoni sulphat	- Hàm lượng N tổng số, % khối lượng, không nhỏ hơn	20,0
	- Hàm lượng S, % khối lượng, không nhỏ hơn	24,0
Phân amoni clorua bón rễ	Hàm lượng N tổng số, % khối lượng, không nhỏ hơn	25,0
Phân natri nitrat	Hàm lượng N tổng số, % khối lượng, không nhỏ hơn	16,0
Phân canxi nitrat	- Hàm lượng N tổng số, % khối lượng, không nhỏ hơn	15,0
	- Hàm lượng canxi, % khối lượng, không nhỏ hơn	Tính bằng CaO: 26 hoặc tính bằng Ca: 18

1.2. Phân lân

1.2.1 Phân lân nung chảy

Tên chỉ tiêu	Loại đặc biệt		Loại thông dụng	
	Mức quy định 1	Mức quy định 2	Mức quy định 1	Mức quy định 2
- Hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu, tính bằng %, không nhỏ hơn	19	17	15	13,5
- Cadimi, tính bằng mg/kg hoặc ppm, không lớn hơn	12	12	12	12

1.2.2 Phân Suphosphat đơn

Tên chỉ tiêu	Mức quy định
- Hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu, %	16,0

- Hàm lượng axit tự do (tính chuyển ra P_2O_5), %, không lớn hơn.	4,0
- Cadimi, tính bằng mg/kg hoặc ppm, không lớn hơn	12

1.3. Phân kali

Loại phân bón	Chỉ tiêu	Mức quy định
Phân kali clorua	Hàm lượng K_2O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	60,0
Phân kali sulphat	Hàm lượng K_2O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	50,0
Phân kali viên	Hàm lượng K_2O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	30,0

2. Phân bón phức hợp đa lượng

Loại phân	Chỉ tiêu	Mức quy định
Phân diamoni phosphat (DAP)	Hàm lượng N tổng số, % khối lượng, không nhỏ hơn	15
	Hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	44
	Hàm lượng cadimi tổng, mg/kg, không lớn hơn	12
Phân amoni polyphosphat (APP)	- Hàm lượng N tổng, % khối lượng, không nhỏ hơn	12,0
	- Hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	40,0
Phân nitro phosphat	- Hàm lượng N tổng, % khối lượng, không nhỏ hơn	20,0
	- Hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	20,0
Phân monoamoni phosphat (MAP)	- Hàm lượng N tổng, % khối lượng, không nhỏ hơn	10,0
	- Hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	50,0

Phân kali nitrat	- Hàm lượng N tổng, % khối lượng, không nhỏ hơn	13,0
	- Hàm lượng K ₂ O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	46,0
Phân kali dihydrophosphat	- Hàm lượng P ₂ O ₅ hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	51,0
	- Hàm lượng K ₂ O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	34,0
Phân monokali phosphat (MKP)	- Hàm lượng P ₂ O ₅ hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	52,0
	- Hàm lượng K ₂ O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	34,0

3. Phân bón phức hợp đa trung lượng

Loại phân bón	Chỉ tiêu	Mức quy định
Phân sulphat kali magie	- Hàm lượng K ₂ O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	22,0
	- Hàm lượng S, % khối lượng, không nhỏ hơn	18,0
	- Hàm lượng MgO, % khối lượng, không nhỏ hơn	10,0

4. Phân bón hỗn hợp đa lượng, đa trung lượng, đa vi lượng, đa trung vi lượng

Loại phân bón	Chỉ tiêu	Mức quy định
Phân NPK	Tổng hàm lượng ba yếu tố N tổng, P ₂ O ₅ hữu hiệu và K ₂ O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	18,0
	Hàm lượng của mỗi yếu tố N tổng, P ₂ O ₅ hữu hiệu và K ₂ O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	3
Phân NP hoặc NK hoặc PK	Tổng hàm lượng hai trong ba yếu tố N tổng, P ₂ O ₅ hữu hiệu và K ₂ O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	18,0
	Hàm lượng của mỗi yếu tố N tổng, P ₂ O ₅ hữu hiệu và K ₂ O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	3
Phân NPK	- Tổng hàm lượng ba yếu tố hoặc hai	18,0

hoặc NP hoặc NK hoặc PK bổ sung trung lượng hoặc vi lượng hoặc trung vi lượng	trong ba yếu tố N tổng số, P_2O_5 hữu hiệu và K_2O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	
	Thành phần một nguyên tố trung lượng, % khối lượng, không nhỏ hơn	1
	Thành phần các nguyên tố vi lượng, % khối lượng	do nhà sản xuất, nhập khẩu công bố áp dụng.
	Hàm lượng của mỗi yếu tố N tổng, P_2O_5 hữu hiệu và K_2O hữu hiệu, % khối lượng, không nhỏ hơn	3

II. PHÂN BÓN TRUNG LƯỢNG, VI LƯỢNG, TRUNG VI LƯỢNG

Loại phân	Chỉ tiêu	Mức quy định
Phân bón trung lượng	một trong các yếu tố Ca, Mg, S, SiO_2 , % khối lượng, không nhỏ hơn	5
	Có ít nhất 2 yếu tố Ca, Mg, S, SiO_2 % khối lượng, không nhỏ hơn	10
Phân bón trung lượng bổ sung vi lượng, trung vi lượng (phân bón trung vi lượng)	một trong các yếu tố Ca, Mg, S, SiO_2 , % khối lượng, không nhỏ hơn	5
	Có ít nhất 2 yếu tố Ca, Mg, S, SiO_2 % khối lượng, không nhỏ hơn	10
	Thành phần các nguyên tố vi lượng, % khối lượng	do nhà sản xuất, nhập khẩu công bố áp dụng.
Phân bón vi lượng	Có chứa tối thiểu một trong các yếu tố vi lượng (mg/kg hoặc mg/l)	B: 2000; Co: 500; Cu: 15000; Fe: 10000; Mn: 15000; Mo: 50; Zn: 15000

B . ĐỐI VỚI PHÂN BÓN HỮU CƠ VÀ PHÂN BÓN KHÁC

I. PHÂN BÓN HỮU CƠ

STT	Chỉ tiêu chất lượng chính	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp thử
1	HC	%	$\geq 20,0$	TCVN 9294:2012
2	N	%	$\geq 2,0$	TCVN 8557:2010
3	Tỷ lệ C/N		$< 12,0$	<u>Các bon hữu cơ</u> Nito tổng số

II. PHÂN BÓN HỮU CƠ KHOÁNG

STT	Chỉ tiêu chất lượng chính	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp thử
1	HC	%	$\geq 15,0$	TCVN 9294:2012
2	N, P ₂ O ₅ , K ₂ O riêng rẽ hoặc	%	từ $\geq 8,0$	TCVN 8557:2010 TCVN 8559:2010 TCVN 8560:2010
	N+P ₂ O ₅ hoặc	%	trong đó:	
	N + K ₂ O hoặc	%	N $\geq 2,0$	
	P ₂ O ₅ + K ₂ O hoặc	%	P ₂ O ₅ $\geq 2,0$	
	N + P ₂ O ₅ + K ₂ O	%	K ₂ O $\geq 2,0$	

III. Phân bón khoáng hữu cơ

STT	Chỉ tiêu chất lượng chính	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp thử
1	N + P ₂ O ₅ + K ₂ O,	%	$\geq 18,0$ trong đó:	TCVN 8557:2010 TCVN 8559:2010 TCVN 8560:2010
	hoặc N + P ₂ O ₅ ,	%	N $\geq 3,0$	
	hoặc N + K ₂ O,	%	P ₂ O ₅ $\geq 3,0$	
	hoặc P ₂ O ₅ + K ₂ O,	%	K ₂ O $\geq 3,0$	
	hoặc N, P ₂ O ₅ , K ₂ O riêng rẽ,	%		
2	HC	%	5- 15,0	TCVN 9294:2012

IV. Phân bón hữu cơ vi sinh

STT	Chỉ tiêu chất lượng chính	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp thử
1	HC	%	$\geq 15,0$	TCVN 9294:2012
2	ít nhất có một loại vi sinh vật có ích	CFU/g hoặc CFU/ml	$\geq 1,0 \times 10^6$	TCVN 6167:1996 TCVN 6166:2002 TCVN 6168:2002 TCVN 7185:2002 TCVN 4884:2005 TCVN 8564:2010
	hoặc <i>Azotobacter/Lipomyces</i>	CFU/g hoặc CFU/ml	$\geq 1,0 \times 10^5$	TCVN 6166:2002 TCVN 4884:2005

V. Phân bón hữu cơ sinh học

STT	Chỉ tiêu chất lượng chính	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp thử
1	HC	%	$\geq 20,0$	TCVN 9294:2012
2	Axit humic, axit fulvic	%	$\geq 2,0$	TCVN 8561:2010
	hoặc Chất sinh học khác	%	Theo tiêu chuẩn công bố áp dụng	Theo tiêu chuẩn công bố áp dụng

VI. Phân bón sinh học

STT	Chỉ tiêu chất lượng chính	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp thử
1	Axit humic, axit fulvic,	%	$\geq 2,0$	TCVN 8561:2010
	hoặc Chất sinh học khác	%	Theo tiêu chuẩn công bố áp dụng	Theo tiêu chuẩn công bố áp dụng

VII. Phân bón vi sinh vật

STT	Chỉ tiêu chất lượng chính	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp thử
1	Ít nhất có một loại vi sinh vật có ích	CFU/g hoặc CFU/ml	$\geq 1,0 \times 10^8$	TCVN 6167:1996 TCVN 6166:2002 TCVN 6168:2002 TCVN 7185:2002

				TCVN 4884:2005
	hoặc <i>Azotobacter/Lipomyces</i>	CFU/g hoặc CFU/ml	$\geq 1,0 \times 10^7$	TCVN 6166:2002 TCVN 4884:2005

VIII. Các phân bón khác

Đối với phân bón có chất giữ ẩm, chất tăng hiệu suất sử dụng, chất tăng miễn dịch cây trồng, chất điều hòa sinh trưởng; Phân bón đất hiếm, Phân bón cải tạo đất : hàm lượng và phương pháp thử theo tiêu chuẩn công bố áp dụng của tổ chức, cá nhân có phân bón.

Ghi chú:

- Phân bón hữu cơ được phép có hoặc không có các chất dinh dưỡng đa lượng: P_2O_5 , K_2O , các chất dinh dưỡng trung lượng: Ca/CaO, Mg/MgO, S, SiO_2 , và/hoặc vi lượng: B, Co, Cu/CuO, Fe, Mn, Mo, Zn, đất hiếm và tự công bố hàm lượng.

- Phân bón hữu cơ khoáng và khoáng hữu cơ được phép có hoặc không có các chất dinh dưỡng trung lượng: Ca/CaO, Mg/MgO, S, SiO_2 , các chất dinh dưỡng vi lượng: B, Co, Cu/CuO, Fe, Mn, Mo, Zn, đất hiếm và tự công bố hàm lượng;

- Phân bón: hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học, sinh học, vi sinh vật, Phân bón đất hiếm, phân bón cải tạo đất được phép có hoặc không có các chất dinh dưỡng đa lượng: N, P_2O_5 , K_2O , các chất dinh dưỡng trung lượng: Ca/CaO, Mg/MgO, S, SiO_2 , và/hoặc vi lượng: B, Co, Cu/CuO, Fe, Mn, Mo, Zn, đất hiếm và tự công bố hàm lượng.

-Phân bón mục sinh học, vi sinh vật, phân bón đất hiếm, phân bón cải tạo đất có hoặc không có chất hữu cơ và tự công bố hàm lượng.

- Các chữ viết tắt: HC: Hữu cơ; N: Ni tơ tổng số; P_2O_5 : Lân hữu hiệu; K_2O : Kali hữu hiệu; Ca/CaO: Canxi; Mg/MgO: Magie; S: Lưu huỳnh; SiO_2 : Silic; B: Bo, Co: Côban; Cu/CuO: Đồng; Fe: sắt; Mn: Mangan; Mo: Molipđen; Zn: Kẽm.

MỤC 3. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT BẮT BUỘC TRONG PHÂN BÓN LÁ

A. CÁC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG

I. Đối với các chất dinh dưỡng đa lượng, trung lượng, vi lượng, chất hữu cơ, Axit humic, axit fulvic, vi sinh vật trong phân bón lá: hàm lượng theo tiêu chuẩn công bố áp dụng của nhà sản xuất, nhập khẩu và phương pháp thử tương ứng theo các quy định tại Mục 1 Phụ lục này.

II. Đối với chất giữ ẩm, chất tăng hiệu suất sử dụng, chất tăng miễn dịch cây trồng, chất điều hòa sinh trưởng, chất đất hiếm, axit amin, vitamin và các chất sinh học khác trong phân bón lá: hàm lượng và phương pháp thử theo tiêu chuẩn công bố áp dụng của nhà sản xuất, nhập khẩu.

Ghi chú:

- Đối với phân bón qui định tại mục 1 và mục 2 nếu ở dạng lỏng phải công bố chỉ tiêu pH_{H2O} và khối lượng riêng.
- Đối với phân bón qui định tại mục 1 phần B nếu ở dạng rắn phải công bố độ ẩm.
- Chỉ tiêu chất lượng các loại phân bón chưa được quy định trong Phụ lục này được áp dụng theo tiêu chuẩn do nhà sản xuất, nhập khẩu công bố áp dụng. Đối với các phân bón có thành phần đã được quy định trong phụ lục này nhưng bổ sung thêm 1 số thành phần chưa được qui định thì hàm lượng chất bổ sung được áp dụng theo tiêu chuẩn do nhà sản xuất, nhập khẩu công bố áp dụng.

MỤC 4. YẾU TỐ HẠN CHẾ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn	Phương pháp thử
1	Arsen (As)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm	< 10,0	TCVN 8467:2010
2	Cadimi (Cd)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm	< 5,0	TCVN 9291:2012
3	Chì (Pb)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm	< 200,0	TCVN 9290:2012
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm	< 2,0	AOAC Official Method 971.21
5	Vi khuẩn <i>Salmonella</i>	CFU/g hoặc CFU/g (ml)	KPH	TCVN 4829:2005
6	Vi khuẩn <i>E. coli</i>	CFU/g hoặc CFU/g (ml)	< 1,1 x 10 ³	TCVN 6846-2007

- Các chỉ tiêu hạn chế 5, 6 chỉ áp dụng đối với các loại phân bón hữu cơ sản xuất từ nguyên liệu là rác thải đô thị, phế thải công nghiệp chế biến từ nông sản, thực phẩm, phế thải chăn nuôi.

MỤC 5. DANH MỤC CÁC PHƯƠNG PHÁP THỬ PHÂN BÓN VÔ CƠ

TT	Tên phép thử	Phương pháp thử	Đối tượng phép thử
1.	Độ ẩm (đối với dạng rắn)	TCVN 2620:2014	Phân Urê
		TCVN 1078:1999	Phân lân nung chảy
		TCVN 4440:2004	Phân supe phosphat đơn

		TCVN 8856:2012	Phân DAP
		TCVN 5815:2001	Phân hỗn hợp NPK, NP, PK, NK
		TCVN 9297:2012	Các loại phân bón
2.	Hàm lượng N_{ts}	TCVN 2620:2014	Phân Urê
		TCVN 8856:2012	Phân DAP
		TCVN 5815:2001	Phân hỗn hợp NPK, NP, PK, NK
		TCVN 8557:2010	Các loại phân bón
3.	Hàm lượng P_2O_{5hh}	TCVN 1078:1999	Phân lân nung chảy
		TCVN 4440:2004	Phân supe phosphat đơn
		TCVN 8856:2012 hoặc ISO 6598:1985	Phân DAP
		TCVN 5815:2001	Phân hỗn hợp NPK, NP, PK, NK
		TCVN 8559:2010	Các loại phân bón
4.	Hàm lượng K_2O hòa tan	TCVN 5815:2001	Phân hỗn hợp NPK, NP, PK, NK
5.	Hàm lượng K_2O_{hh}	TCVN 8560:2010	Các loại phân bón
6.	Hàm lượng SiO_2 , CaO , MgO , Ca , Mg	TCVN 5815:2001	Phân hỗn hợp NPK, NP, PK, NK
7.	Hàm lượng Ca	TCVN 1078:1999	Phân lân nung chảy
		TCVN 9284:2012	Các loại phân bón
8.	Hàm lượng Mg	TCVN 1078:1999	Phân lân nung chảy
		TCVN 9285:2012	Các loại phân bón
9.	Hàm lượng S	TCVN 9296:2012	Các loại phân bón
10.	Hàm lượng Si	TCVN 1078:1999 hoặc TCVN 5815:2001	Các loại phân bón
11.	Hàm lượng B	P.K5-M/13 hoặc AOAC 2007 (982.01)	Các loại phân bón
12.	Hàm lượng Mo, Fe	TCVN 9283:2012	Các loại phân bón
13.	Hàm lượng Cu	TCVN 9286:2012	Các loại phân bón
14.	Hàm lượng Co	TCVN 9287:2012	Các loại phân bón
15.	Hàm lượng Mn	TCVN 9288:2012	Các loại phân bón
16.	Hàm lượng Zn	TCVN 9289:2012	Các loại phân bón

17.	Hàm lượng axit Humic và axit Fulvic	TCVN 8561:2010	Các loại phân bón
18.	Hàm lượng clorua hòa tan	TCVN 8558:2010	Các loại phân bón
19.	Hàm lượng Pb	TCVN 9290:2012	Các loại phân bón
20.	Hàm lượng Cd	TCVN 9291:2012	Các loại phân bón
21.	Hàm lượng Cr, Ni	TCVN 6496:1999	Các loại phân bón
22.	Hàm lượng Hg	AOAC 2007 (971.21)	Các loại phân bón
23.	Hàm lượng As	TCVN 8467:2010	Các loại phân bón
24.	Hàm lượng axit tự do	TCVN 4440:2004	Phân supe phosphat đơn
		TCVN 9292:2012	Các loại phân bón
25.	Hàm lượng Biuret	TCVN 2620:2014	Phân urê
26.	pH	pH meter	Phân bón dạng lỏng
		AOAC 973.04 (2010)	Phân bón dạng rắn
27.	Tỷ trọng	P.K5-M/14	Phân bón dạng lỏng
28.	Dạng bên ngoài (ngoại quan)	TCVN 2619:2014	Phân Ure
		TCVN 4440:2004	Phân supe phosphat đơn
29.	Cỡ hạt (độ hạt, độ mịn)	TCVN 2620:2014	Phân Urê
		TCVN 1078:1999	Phân lân nung chảy
30.	E.coli	TCVN 6846:2007	Các loại Phân bón
31.	Coliforms	TCVN 6848:2007	Các loại Phân bón
32.	Salmonella	TCVN 4829:2005	Các loại phân bón

Phương pháp thử đối với các chỉ tiêu chưa được quy định trong Phụ lục này thực hiện theo tiêu chuẩn do người sản xuất, nhập khẩu công bố áp dụng.

MỤC 6. DUNG SAI ĐƯỢC CHẤP NHẬN VÀ HÀM LƯỢNG ĐƯỢC CHẤP NHẬN ĐỐI VỚI CÁC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CỦA PHÂN BÓN VÔ CƠ

1. Dung sai được chấp nhận khi so sánh kết quả phân tích giữa các phòng thử nghiệm trên cùng một mẫu phân tích đối với cùng một chỉ tiêu khi sử dụng cùng một phương pháp thử hoặc các phương pháp thử tương đương theo quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn, tối đa chỉ ở phạm vi $\pm 5\%$.

2. Hàm lượng được chấp nhận giữa kết quả phân tích của phòng thử nghiệm so với hàm lượng của từng chỉ tiêu chất lượng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với phân bón vô cơ thực hiện như sau:

STT	Chỉ tiêu	Hàm lượng được chấp
-----	----------	---------------------

		nhận
1	Phân urê	
	- Hàm lượng N_{ts}	Không thấp hơn 98%
	- Hàm lượng biuret	Không vượt quá 110%
2	Phân DAP, MAP, APP, nitro phosphat	
	- Hàm lượng N_{ts}	Không thấp hơn 98%
	- Hàm lượng P_2O_{5hh}	Không thấp hơn 98%
	- Hàm lượng Cadimi (Cd) trong DAP	Không vượt quá 115%
3	Phân supe phosphat, lân nung chảy	
	- Hàm lượng P_2O_{5hh}	Không thấp hơn 97%
	- Hàm lượng Cadimi (Cd)	Không vượt quá 115%
	- Hàm lượng axit tự do trong Supe lân	Không vượt quá 110%
4	Phân KNO_3	
	- Hàm lượng N_{ts}	Không thấp hơn 98%
	- Hàm lượng K_2O_{hh}	Không thấp hơn 98%
5	Phân KCl, kali viên	
	- Hàm lượng K_2O_{hh}	Không thấp hơn 98%
6	Phân K_2SO_4 , phân sulphat kali magie	
	- Hàm lượng K_2O_{hh}	Không thấp hơn 98%
	- Hàm lượng S	Không thấp hơn 98%
	- Hàm lượng MgO trong phân sulphat kali magie	Không thấp hơn 98%
7	Phân SA	
	- Hàm lượng N_{ts}	Không thấp hơn 98%
	- Hàm lượng S	Không thấp hơn 98%
8	Phân amoni clorua, natri ntrat	
	- Hàm lượng N_{ts}	Không thấp hơn 98%
9	Phân canxi nitrat	
	- Hàm lượng N_{ts}	Không thấp hơn 98%
	- Hàm lượng canxi	Không thấp hơn 98%
10	Phân kali dihydrophosphat, MKP	
	- Hàm lượng P_2O_{5hh}	Không thấp hơn 98%
	- Hàm lượng K_2O_{hh}	Không thấp hơn 98%
11	Phân trộn (NPK, NP, NK, PK), phân bón lá có hàm lượng một yếu tố N_{ts} hoặc P_2O_{5hh} hoặc K_2O_{hh} hoặc có tổng hàm lượng hai hoặc cả ba yếu tố N_{ts} , P_2O_{5hh} và $K_2O_{hh} \geq 18\%$	
	- Một yếu tố N_{ts} hoặc P_2O_{5hh} hoặc K_2O_{hh}	Không thấp hơn 90%
	- Tổng hai hoặc cả ba yếu tố N_{ts} , P_2O_{5hh} và K_2O_{hh}	Không thấp hơn 93%
12	Phân bón lá có hàm lượng một yếu tố N_{ts} hoặc P_2O_{5hh} hoặc K_2O_{hh} hoặc có tổng hàm lượng hai hoặc cả ba yếu tố N_{ts} , P_2O_{5hh} và $K_2O_{hh} < 18\%$	

	- Một yếu tố N_{ts} hoặc P_2O_{5hh} hoặc K_2O_{hh}	Không thấp hơn 87%
	- Tổng hai hoặc cả ba yếu tố N_{ts} , P_2O_{5hh} và K_2O_{hh}	Không thấp hơn 90%
13	Phân trung lượng, phân bón bổ sung trung lượng (Ca, Mg, S, SiO_2)	
13.1	Phân trung lượng bón rễ	
	- Một yếu tố trung lượng	Không thấp hơn 87%
	- Tổng hai hoặc cả bốn yếu tố trung lượng	Không thấp hơn 90%
13.2	Phân trung lượng bón lá , phân đa lượng bổ sung trên 1% cho một yếu tố trung lượng ¹	
	- Một yếu tố trung lượng	Không thấp hơn 80%
	- Tổng từ hai tới bốn yếu tố trung lượng	Không thấp hơn 85%
14	Phân vi lượng, phân bón bổ sung vi lượng (Fe, Zn, Cu, B, Mo, Mn, Co)	
14.1	Phân vi lượng bón rễ, phân đa lượng, trung lượng bổ sung trên 1000 ppm cho một yếu tố vi lượng ²	
	- Một yếu tố vi lượng	Không thấp hơn 80%
	- Tổng các yếu tố vi lượng	Không thấp hơn 85%
14.2	Phân vi lượng bón lá , phân đa lượng, trung lượng bổ sung dưới 1000 ppm cho một yếu tố vi lượng ²	
	- Một yếu tố vi lượng	Không thấp hơn 80%
	- Tổng các yếu tố vi lượng	Không thấp hơn 80%
14.3	Phân đa lượng, trung lượng bổ sung yếu tố vi lượng ở dạng vết không định lượng (TE) ²	
	- Một yếu tố vi lượng	Vết (có phát hiện)
	- Tổng các yếu tố vi lượng	Không thấp hơn 80%
15	Phân bón có chứa axit amin, vitamin, axit humic, axit fulvic các chất sinh học khác	
	- Tổng hàm lượng các chất sinh học	Không thấp hơn 85%

¹Hàm lượng được chấp nhận của các yếu tố đa lượng trong phân đa lượng bổ sung yếu tố trung lượng thực hiện theo quy định đối với phân bón đa lượng không bổ sung yếu tố trung lượng.

²Hàm lượng được chấp nhận của các yếu tố đa lượng, trung lượng trong phân đa lượng, trung lượng bổ sung yếu tố vi lượng thực hiện theo quy định đối với phân bón đa lượng, trung lượng không bổ sung yếu tố vi lượng.

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI NHÃN PHÂN BÓN

1. Tên thương phẩm

- Tên thương phẩm không được làm hiểu sai lệch về bản chất và công dụng của phân bón;

- Không được vi phạm thuần phong mỹ tục truyền thống của Việt Nam; không trùng cách đọc hoặc cách viết với tên của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân, địa danh của Việt Nam hoặc nước ngoài,

- Các loại thực phẩm, đồ uống, dược phẩm.

2. Loại phân bón

Phân bón phải ghi theo loại: phân bón vô cơ (phân khoáng đơn, phân phức hợp, phân khoáng trộn,...), phân bón hữu cơ (phân hữu cơ chế biến công nghiệp, phân hữu cơ sinh học, phân hữu cơ vi sinh,...) và các loại phân bón khác.

3. Tên, thành phần, hàm lượng

a) Ghi tên của một, một số hoặc tất cả các thành phần dinh dưỡng của phân bón. Tên thành phần ghi theo tên thông thường (common name);

b) Ghi hàm lượng của từng thành phần dinh dưỡng trong phân bón.

Đơn vị thông thường được ghi là tỷ lệ phần trăm khối lượng (% w/w) hoặc g/kg đối với phân bón dạng rắn; đơn vị g/l hoặc tỷ lệ phần trăm khối lượng (% w/w) đối với phân bón dạng lỏng khác; đơn vị IU hoặc UI (International Unit)/mg, CFU (Colony-Forming Unit)/g (hoặc ml) đối với phân bón vi sinh.

4. Định lượng

a) Phân bón định lượng bằng các đại lượng đo lường phải ghi theo quy định của pháp luật Việt Nam về đo lường.

b) Phân bón định lượng bằng số lượng thì phải ghi theo số đếm tự nhiên.

c) Phân bón dạng lỏng ghi thể tích thực, sử dụng các đơn vị đo thể tích như: lít (l) hoặc mi-li-lít (ml); phân bón dạng rắn (bột, hạt, viên) ghi theo khối lượng tịnh, sử dụng các đơn vị đo khối lượng như: kilogram (kg), gam (g); dạng viên ghi số lượng viên và khối lượng một viên, đơn vị là ki-lô-gam (kg) hoặc gam (g).

d) Trường hợp trong một bao gói thương phẩm của phân bón có nhiều đơn vị bao gói thì phải ghi định lượng của từng đơn vị bao gói và số lượng đơn vị bao gói.

5. Số chứng nhận lưu hành là số của Quyết định công nhận lưu hành phân bón tại Việt Nam do Bộ NN&PTNT (cơ quan có thẩm quyền cấp).

6. Ngày sản xuất, hạn sử dụng

a) Ngày sản xuất, hạn sử dụng trên nhãn được ghi đầy đủ hoặc ghi tắt bằng chữ in hoa là: “NSX” theo thứ tự ngày, tháng, năm của năm dương lịch. Mỗi số chỉ ngày, chỉ tháng, chỉ năm ghi bằng hai chữ số, được phép ghi số chỉ năm bằng bốn chữ số. Số chỉ ngày, tháng, năm của một mốc thời gian phải ghi cùng một dòng;

b) Trường hợp không ghi được chữ “NSX” cùng với chữ số chỉ ngày, tháng, năm thì phải hướng dẫn trên nhãn. Ví dụ: ở đáy bao bì ghi thời gian sản xuất là “020406” thì trên nhãn phải ghi “Xem NSX ở đáy bao bì”.

7. Số lô sản xuất, ghi như sau: Số lô sản xuất: XXXX; hoặc Số lô SX: XXXX. Cấu trúc của số lô sản xuất do cơ sở sản xuất tự quy định.

8. Xuất xứ

a) Ghi “sản xuất tại” hoặc “xuất xứ” kèm tên nước hay vùng lãnh thổ sản xuất ra loại phân bón đó;

b) Đối với phân bón sản xuất tại Việt Nam để lưu thông trong nước, đã ghi địa chỉ của nơi sản xuất ra loại phân bón đó thì không bắt buộc phải ghi xuất xứ phân bón.

9. Thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký, phân phối, sản xuất phân bón.

a) Thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký: Ghi tên, địa chỉ và số điện thoại của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đăng ký phân bón;

b) Thông tin tổ chức, cá nhân phân phối: Ghi tên, địa chỉ và số điện thoại của tổ chức, cá nhân phân phối phân bón tại Việt Nam;

c) Thông tin tổ chức, cá nhân sản xuất:

- Phân bón sản xuất trong nước: Ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón thành phẩm.

- Phân bón nhập khẩu để lưu thông tại Việt Nam: Ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất và ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu.

10. Hướng dẫn sử dụng, bảo quản

- a) Công dụng, đối tượng (cây trồng, loại đất), chức năng của phân bón;
- b) Liều lượng, số lần, thời điểm sử dụng;
- c) Cách bón: Pha, trộn, phun rải và tỷ lệ dùng phân bón;
- d) Khả năng phối hợp với các loại phân bón khác (nếu có);
- đ) Điều kiện bảo quản phân bón. Ví dụ: Bảo quản ở nơi khô thoáng, nhiệt độ không quá 30°C.

11. Thông tin cảnh báo an toàn

- a) Nhãn phân bón phải ghi các thông tin về khả năng gây mất an toàn của phân bón đối với con người và môi trường; cảnh báo nguy hại và cách xử lý khi xảy ra sự cố nguy hại;
- b) Thông tin, cảnh báo an toàn ghi trên nhãn bằng chữ, hình ảnh (nếu có) theo các quy định liên quan.

Tên công ty, doanh nghiệp CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO PHÂN BÓN

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

Số giấy phép hoạt động :

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:.....

Kính đề nghị ... (tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với phân bón sau:

STT	Tên phân bón	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1.			
...			

Các tài liệu gửi kèm:

1.....

2.....

3.....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(TÊN CƠ QUAN RA VĂN BẢN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN-...

Hà Nội, ngày tháng năm 201..

V/v Xác nhận nội dung quảng
cáo sản phẩm phân bón NPK

Kính gửi: Công ty

Xét đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phân bón vô cơ tại Công văn số ngày tháng năm của Công ty ..., Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận nội dung quảng cáo phân bón như sau:

1. Tên đơn vị đề nghị quảng cáo: Công ty
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Tên sản phẩm quảng cáo:
4. Nội dung quảng cáo: Kịch bản, đĩa CD quảng cáo đính kèm hồ sơ.
5. Phương tiện quảng cáo: ...
6. Hiệu lực quảng cáo:

Sản phẩm Phân bón ... của Công ty ... đã được tổ chức ... chứng nhận hợp quy hoặc tổ chức, cá nhân công bố hợp quy theo quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón.

Đề nghị Công ty thực hiện quảng cáo theo đúng nội dung và hiệu lực đã được xác nhận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

Người có thẩm quyền

(Ký và ghi đầy đủ họ và tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Ảnh màu
4 x 6

**GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN
KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

.....
Chứng nhận:

Ông/Bà:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Địa chỉ:.....

Đã hoàn thành chương trình

"Tập huấn khảo nghiệm phân bón"

Thời gian từ ngày: đến ngày

Tại

Giấy chứng nhận này có giá trị trên toàn quốc và không thời hạn.

....., ngày tháng năm **Người có thẩm quyền cấp**
(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số:.....

Ảnh màu
4 x 6

**GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN
LẤY MẪU PHÂN BÓN**

.....
Chứng nhận:

Họ và tên:

Năm sinh:

Đơn vị công tác:

Lĩnh vực hành nghề (hoặc lĩnh vực đào tạo):

..... , ngày ... tháng ... năm 20.....

người có thẩm quyền cấp

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Ảnh màu
4 x 6

**GIẤY CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN
VỀ PHÂN BÓN**

CHI CỤC

Chứng nhận:

Ông/Bà:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Địa chỉ:.....

Đã hoàn thành chương trình

"Bồi dưỡng chuyên môn về phân bón"

Thời gian từ ngày:đến ngày

Giấy chứng nhận này có giá trị trên toàn quốc và không thời hạn.

....., ngày tháng năm

người có thẩm quyền cấp

(ký tên, đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-, ngày tháng năm ...

BÁO CÁO
Tình hình sản xuất, đóng gói phân bón

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Email:

Fax:

3. Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Điện thoại:

Email:

Fax:

4. Tình trạng cơ sở sản xuất hoặc đóng gói phân bón

- Sản xuất hoặc đóng gói phân bón theo Giấy chứng nhận số..ngày...tháng.... năm:

- Gia công phân bón (nêu rõ tên đơn vị đặt gia công, có Giấy chứng nhận số..ngày...tháng.... năm ..., hợp đồng hoặc thỏa thuận gia công gia công số..ngày...tháng.... năm...; loại phân bón gì, khối lượng gia công,...):

5. Mục đích sản xuất phân bón hoặc đóng gói

Bán trong nước ☐

Xuất khẩu ☐

6. Danh mục sản xuất phân bón hoặc đóng gói phân bón (kỳ báo cáo, lũy kế từ đầu năm):

- Số lượng sản xuất hoặc đóng gói:
- Tồn kho:

7. Tình hình an toàn trong sản xuất phân bón hoặc đóng gói phân bón:

8. Kiến nghị, đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)